TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIA LÂM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/HSST
Ngày 18-02-2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Quang Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Văn Thoại

Ông Vũ Minh Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Hoàng Văn Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2025, tại tại điểm cầu trung tâm: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và điểm cầu thành phần: Trại Tạm giam số 1 - Công an thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số: 08/2025/TLST-HS ngày 16/01/2025; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-HS ngày 03/02/2025 đối với các bị cáo:

1. Quán Văn D - Giới tính: Nam; tên gọi khác: Không; sinh năm 2001; nơi sinh: Phú Thọ; ĐKHKTT: Khu D, xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 01/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Quán Văn C (c) và con bà: Quán Văn C1; TATS: Theo danh chỉ bản số 582 ngày 20/11/2024 do Công an huyện G lập và lý lịch bị can thì bị cáo có 01 tiền án: Bản án số 235 ngày 25/8/2022 của Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù về tội: "Trộm cắp tài sản", chấp hành án xong ngày 15/01/2023 (chưa được xóa án tích) và 01 tiền sự: Ngày 07/01/2021, Công an quận T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi gây mất trật tự công cộng, mức phạt: 200.000 đồng, đã nộp phạt ngày 02/02/2021 (đã được xóa).

Bị cáo đầu thú, tạm giữ ngày 22/11/2024, chuyển tạm giam ngày 01/12/2024; hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện G; có mặt;

2. **Vũ Văn D1 -** Giới tính: Nam; tên gọi khác: Không; sinh năm 2000; nơi sinh: Nam Định; ĐKHKTT: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 09/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Vũ Văn B và con bà: Bùi Thị T; vợ: Đỗ V; TATS: Theo danh chỉ bản số 581 ngày 30/11/2024 do Công an huyện G lập và lý lịch bị can thì bị cáo chưa có tiền án, tiền sự;

Bị cáo đầu thú, tạm giữ ngày 22/11/2024, hủy bỏ tạm giữ ngày 01/12/2024; hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Bị hại: Anh **Nguyễn Mậu D2**, sinh năm 1980; trú tại: Thôn L, xã K, huyện G, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 21 giờ ngày 19/11/2024, Quán Văn D và Vũ Văn D1 là nhân viên của nhà hàng phở B có địa chỉ tại: KĐT V, xã D, huyện G, Hà Nội đang ngủ trên tầng 4 biết quán V (cạnh quán của D) có địa chỉ: KĐT V, xã D, huyện G, Hà Nội đã đóng cửa, không có người trông coi nên D rủ D1 đi sang quán V trộm cắp két sắt để ở quầy thu ngân lấy tiền tiêu sài. D1 đồng ý và thống nhất số tài sản trộm cắp được sẽ chia đôi, D là người trộm cắp còn D1 là người cảnh giới ở tầng 2 của quán. Để thực hiện mục đích trên, D mặc quần bò dài màu đen, áo khoác màu đen, đeo khẩu trang rồi trèo qua ban công tầng 2 của nhà hàng phở B đi trên tấm lợp kính sang ban công tầng 2 nhà hàng V phát hiện thấy một cửa ra vào khóa còn một cửa khép nên mở cửa đi vào trong quán, đi cầu thang xuống tầng một chỗ quầy lễ tân quan sát không có ai. D lấy chiếc tua vít, kìm sắt và kéo cắt dây điện để lấy chiếc két sắt. Sau khi trộm cắp được két sắt, D vứt lại chiếc tua vít, kìm và kéo ở lại nhà hàng rồi bê két sắt lên tầng 2 đi ra ban công, trèo ra ngoài chỗ lợp tấm kim loại đi về ban công tầng 2 của quán phở B. Khi về quán, D để két sắt vừa trộm cắp được vào túi bóng màu đen, để vào giỏ nhựa với mục đích không bị phát hiện. Sau đó, D cởi bộ quần áo vừa mặc và thay bộ quần áo khác rồi bê giỏ nhựa chứa két sắt xuống tầng 1 gặp D1 và cùng bê ra ngoài đường. D và D1 thuê xe taxi chở đến đường đê hướng đi Xuân Quan - Long Biên. Khi đi được khoảng 1 km thì D1 và D xuống xe. D bê giỏ nhựa chứa két sắt sang bên kia đường rồi nhặt một viên đá đập nhiều lần vào két sắt thì thấy khay của két sắt bung ra, bên trong có 515.000 đồng và 01 sợi dây chuyền vàng. D cầm tiền và dây chuyền vàng quay lại chỗ D1 đang đứng đợi rồi cả hai thuê xe ôm đi đến tiệm vàng G có địa chỉ tại: Đường T, thị trấn T, huyện G bán sợi dây chuyền vàng cho anh Đỗ Văn K được 8.240.000 đồng. D cầm 515.000 đồng và 2.500.000 đồng tiền bán sợi dây chuyền. D1 cầm 5.740.000 đồng. Đến sáng ngày 20/11/2024, D và D1 đến Công an xã D đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 285 ngày 28/11/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện G, kết luận: 01 chiếc két sắt thu ngân nhãn hiệu IPOS ICD-410A, đã qua sử dụng, mua năm 2022 trị giá 800.000 đồng; 01 sợi dây chuyền vàng 9999, trọng lượng 01 chỉ đã qua sử dụng trị giá 8.240.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 10/CT-VKSGL ngày 16/01/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố các bị cáo Quán Văn D và Vũ Văn D1 về tội: "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với nội dung bản cáo trạng của Viện Kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện G giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hôm nay thấy rằng: Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

a) Về trách nhiệm hình sự:

- *Hình phạt chính:*

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 17, Điều 58, Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Đề xuất xử phạt bị cáo Quán Văn D từ 15 đến 18 tháng tù, thời hạn tù từ tính từ ngày bắt 22/11/2024.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017: Đề xuất xử phạt bị cáo Vũ Văn D1 từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án. Giao Vũ Văn D1 cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

+ Hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

+ Các biện pháp tư pháp: Không.

b) Xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự đề xuất:

+ Trả lại cho bị hại là anh Nguyễn Mậu D2: Số tiền 8.755.000 đồng; 01 chiếc tua nơ vít bằng kim loại, dài 22,5cm, một đầu có 4 cạnh, một đầu được bọc bằng nhựa màu da cam đen; 01 chiếc kéo bằng inox, cán mạ vàng dài khoảng 22cm; 01 chiếc kìm bằng sắt, chuôi kìm tay bọc nhựa màu đỏ đen, dài khoảng 15cm.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 vỏ két sắt bằng kim loại, vỏ màu đen, kích thước 41 x 31 x 9,5cm, bị cong vênh, có dấu hiệu cậy phá; 01 khung két sắt bằng kim loại và bằng nhựa màu đen, bên trong có 05 ngăn dùng để đựng tiền, kích thước 39 x 35 x 6cm (có dán tem: két đựng tiền IPOSICD-410A); 01 quần bò ống dài, màu đen đã qua sử dụng; 01 áo khoác một mặt màu đen, một mặt màu trắng đen có dòng chữ Water, đã qua sử dụng; 01 giỏ nhựa màu đen có các khe hở, kích thước 45 x 30 x 25cm, đã qua sử dụng.

c) Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự: Anh Nguyễn Mậu D2 yêu cầu các bị cáo Quán Văn D và Vũ Văn D1 bồi thường số tiền 9.555.000 đồng. Các bị cáo đã nộp lại cho Cơ quan điều tra số tiền 8.755.000 đồng. Bị cáo Vũ Văn D1 đồng ý bồi thường số tiền 800.000 đồng còn thiếu cho anh Nguyễn Mậu D2. Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo Vũ Văn D1 bồi thường số tiền 800.000 đồng cho anh Nguyễn Mậu D2.

Nói lời sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo thành khẩn nhận tội và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng huyện G là hợp pháp.

- Về tội danh:

[2]. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng, bản Kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hồi 21 giờ 20 phút ngày 19/11/2024 tại nhà hàng V có địa chỉ tại: KĐT V, xã D, huyện G, Hà Nội, các bị cáo Quán Văn D và Vũ Văn D1 đã có hành vi trộm cắp 01 két sắt thu ngân trị giá 800.000

đồng bên trong có 515.000 đồng và 01 sợi dây chuyền vàng 9999, trọng lượng 01 chỉ trị giá 8.240.000 đồng của anh Nguyễn Mậu D2. Tổng trị giá tài sản và tiền Quán Văn D và Vũ Văn D1 trộm cắp là 9.555.000 đồng.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn; trong đó, bị cáo Quán Văn D là người khởi xướng và thực hành, bị cáo Vũ Văn D1 là người thực hành.

[3]. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự đã cố ý trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, xâm phạm trật tự công cộng được Bộ luật Hình sự bảo vệ. Do vậy, cần phải nghiêm trị đối với các bị cáo.

[4]. Hành vi của các bị cáo Quán Văn D và Vũ Văn D1 đã có đủ yếu tố cấu thành tội: "Trộm cắp tài sản"; tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[5]. Vì vậy, Viện Kiểm sát nhân dân huyện G đề nghị truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[6]. Về tình tiết tăng nặng:

[6.1]. Nhân thân của bị cáo Quán Văn D có 01 tiền án: Bản án số 235 ngày 25/8/2022 của Tòa án nhân dân quận D, thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù về tội: "Trộm cắp tài sản", chấp hành án xong ngày 15/01/2023. Tiền án này của bị cáo chưa được xóa án tích nên hành vi phạm tội lần này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[6.2]. Nhân thân của bị cáo Vũ Văn D1 chưa có tiền án, tiền sự nên bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[7]. Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải, các bị cáo ra đầu thú là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Vũ Văn D1 nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về việc áp dụng hình phạt:

[8]. Xét tính chất và mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[8.1]. Đối với bị cáo Quán Văn D là người khởi xướng và trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo có 01 tiền sự đã được xóa và 01 tiền án về hành vi trộm cắp tài sản và chưa được xóa án tích nên cần phải xử phạt các bị cáo một mức án tù trong khung hình phạt nhằm cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo vì bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nhận định ở trên là có căn cứ.

[8.2]. Đối với bị cáo Vũ Văn D1, Hội đồng xét xử thấy đáng ra cần phải xử phạt bị cáo một mức án tù trong khung hình phạt nhằm cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới thỏa đáng. Song khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên mở lượng khoan hồng cho bị cáo và chỉ cần xử phạt bị cáo một mức án tù trong khung hình phạt nhưng cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự; đồng thời giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú cùng gia đình bị cáo giám sát, giáo dục trong thời hạn thử thách cũng đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

- Về trách nhiệm dân sự:

[9]. Bị hại là anh Nguyễn Mậu D2 yêu cầu các bị cáo Quán Văn D, Vũ Văn D1 bồi thường số tiền 9.555.000 đồng là có căn cứ. Quá trình điều tra, cơ quan điều tra thu giữ của các bị cáo số tiền 8.755.000 đồng (trong đó có 5.740.000 đồng thu giữ của bị cáo Vũ Văn D1 và số tiền 3.015.000 đồng thu giữ của bị cáo Quán Văn D) là tiền các bị cáo trộm cắp và bán sợi dây chuyền vàng mà có. Nay cho thi hành án để trả lại cho anh D1 số tiền trên là có căn cứ. Số tiền còn lại là 800.000 đồng, tại phiên tòa bị cáo D1 tự nguyện bồi thường toàn bộ cho anh D1, bị cáo D đồng ý nên ghi nhận.

- Về hình phạt bổ sung:

[10]. Xét thấy các bị cáo là đối tượng không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là có căn cứ.

- Về xử lý vật chứng:

[11]. Thu giữ số tiền 8.755.000 đồng, trong đó có 5.740.000 đồng thu giữ của bị cáo Vũ Văn D1 và số tiền 3.015.000 đồng thu giữ của bị cáo Quán Văn D. Như đã nhận định ở trên, nay cho thi hành án để trả số tiền 8.755.000 đồng cho anh Nguyễn Mậu D2 là có căn cứ.

[12]. Thu giữ của anh Nguyễn Mậu D2: 01 chiếc tua nơ vít bằng kim loại, dài 22,5cm, một đầu có 4 cạnh, một đầu được bọc bằng nhựa màu da cam đen; 01 chiếc kéo bằng inox, cán mạ vàng dài khoảng 22cm; 01 chiếc kìm bằng sắt,

chuôi kìm tay bọc nhựa màu đỏ đen, dài khoảng 15cm. Nay trả lại cho anh D1 số tài sản trên là có căn cứ.

[13]. Thu giữ: 01 vỏ két sắt bằng kim loại, vỏ màu đen, kích thước 41 x 31 x 9,5cm, bị cong vênh, có dấu hiệu cậy phá; 01 khung két sắt bằng kim loại và bằng nhựa màu đen, bên trong có 05 ngăn dùng để đựng tiền, kích thước 39 x 35 x 6cm (có dán tem: két đựng tiền IPOSICD-410A); 01 quần bò ống dài, màu đen đã qua sử dụng; 01 áo khoác một mặt màu đen, một mặt màu trắng đen có dòng chữ Water, đã qua sử dụng; 01 giỏ nhựa màu đen có các khe hở, kích thước 45 x 30 x 25cm, đã qua sử dụng. Nay cho tịch thu tiêu hủy là có căn cứ.

[14]. Thu giữ 02 USB của anh Nguyễn Mậu D2 lưu trữ video do camera ghi lại sự việc ngày 19/11/2024 nên cần cho lưu giữ trong hồ sơ vụ án là có căn cứ.

- Về các vấn đề khác:

[15]. Đối với anh Đỗ Văn K là người mua sợi dây chuyền vàng của các bị cáo Quán Văn D và Vũ Văn D1. Anh K không biết sợi dây chuyền vàng do D và D1 trộm cắp. Sau khi mua, anh K đã nung chảy sợi dây chuyền vàng đó cùng những sợi dây chuyền vàng khác để làm thành vàng miếng. Do vậy, không có căn cứ xử lý đối với anh K.

- Về án phí:

[16]. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quyền kháng cáo:

[17]. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

1. Xử phạt bị cáo Quán Văn D **15** (Mười lăm) tháng tù về tội: "Trộm cắp tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/11/2024.

* Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

2. Xử phạt bị cáo Vũ Văn D1 **09** (Chín) tháng tù về tội: "Trộm cắp tài sản" cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (Mười tám) tháng tính từ khi tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Vũ Văn D1 cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người bị kết án.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

* Về hình phạt bổ sung: Không.

* Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, 587 Bộ luật dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các bị cáo Quán Văn D và Vũ Văn D1 như sau: Bị cáo Vũ Văn D1 có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho anh Nguyễn Mậu D2 số tiền 800.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015.

* Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự:

1. Trả lại cho anh Nguyễn Mậu D2: 01 chiếc tua nơ vít bằng kim loại, dài 22,5cm, một đầu có 4 cạnh, một đầu được bọc bằng nhựa màu da cam đen; 01 chiếc kéo bằng inox, cán mạ vàng dài khoảng 22cm; 01 chiếc kìm bằng sắt, chuôi kìm tay bọc nhựa màu đỏ đen, dài khoảng 15cm;

2. Tịch thu tiêu hủy: 01 vỏ két sắt bằng kim loại, vỏ màu đen, kích thước 41 x 31 x 9,5cm, bị cong vênh, có dấu hiệu cậy phá; 01 khung két sắt bằng kim loại và bằng nhựa màu đen, bên trong có 05 ngăn dùng để đựng tiền, kích thước 39 x 35 x 6cm (có dán tem: két đựng tiền IPOSICD-410A); 01 quần bò ống dài, màu đen đã qua sử dụng; 01 áo khoác một mặt màu đen, một mặt màu trắng đen có dòng chữ Water, đã qua sử dụng; 01 giỏ nhựa màu đen có các khe hở, kích thước 45 x 30 x 25cm, đã qua sử dụng.

(Hiện có tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện G theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/01/2025)

3. Cho thi hành án để trả cho anh Nguyễn Mậu D2 số tiền 8.755.000 đồng *(theo Biên lai thu tiền số 4089 ngày 24/01/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện G).*

4. Cho lưu giữ hồ sơ vụ án 02 USB của anh Nguyễn Mậu D2 lưu trữ video do camera ghi lại sự việc ngày 19/11/2024.

* Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo Quán Văn D, Vũ Văn D1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm; bị cáo Vũ Văn D1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

* Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội;
- Sở Tư pháp thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện G;
- Công an huyện G;
- UBND xã M, huyện C, tỉnh Phú Thọ; UBND xã N, huyện N, tỉnh Nam Định (Thay cho thông báo kết quả xét xử);
- Chi cục THADS huyện G;
- Bị cáo và những người TGTT khác;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Quang Dũng